TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦY NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13-3-2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Ninh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đắc Hân

Ông Nguyễn Văn Đông

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 348/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2022 và các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông kết hôn với bà Nguyễn Thị X từ năm 1987 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 28/4/2009 tại Ủy ban nhân dân xã P,

huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, vợ chồng đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn P, xã P. Quá trình chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay và không còn quan tâm nhau. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên ông đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Nguyễn Thị X.

- Về con chung: Ông và bà Xuân có ba con chung tên là Nguyễn Thị Thu sinh ngày 23/10/1988, Nguyễn Thị Hà sinh ngày 06/8/1990 và Nguyễn Thành Lộc sinh ngày 14/7/1998, ba con hiện đã thành niên, khỏe mạnh và có cuộc sống riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông và bà Xuân có tài sản chung là nhà và đất tại thôn P, xã P, ông và bà Xuân tự giải quyết với nhau, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị X là bị đơn trong vụ án, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cho đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai vẫn không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị X.

- Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị X có ba con chung tên là Nguyễn Thị Thu sinh ngày 23/10/1988, Nguyễn Thị Hà sinh ngày 06/8/1990 và Nguyễn Thành Lộc sinh ngày 14/7/1998, ba con hiện đã thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà Nguyễn Thị X không trình bày ý kiến nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, bị đơn là bà Nguyễn Thị X vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị X đã xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 26 đăng ký lại ngày 28/4/2009 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, quan hệ hôn nhân được công nhận kể từ ngày 02/11/1987). Căn cứ vào lời khai của đương sự và tài liệu điều tra xác minh thể hiện quá trình chung sống giữa ông Tĩnh và bà Xuân có phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019, do mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay và không còn quan tâm nhau. Bà Nguyễn Thị X vẫn cư trú tại thôn P, xã P, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa hai lần nhưng bà Xuân đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, chứng tỏ bà Xuân không tha thiết níu kéo hôn nhân với ông Tĩnh. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông Tĩnh và bà Xuân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy việc xin ly hôn của ông Tĩnh với bà Xuân là phù hợp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và phù hợp với tình trạng thực tế của vợ chồng, phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3]. Về con chung: Ông Tĩnh và bà Xuân có ba con chung tên là Nguyễn Thị Thu sinh ngày 23/10/1988, Nguyễn Thị Hà sinh ngày 06/8/1990 và Nguyễn Thành Lộc sinh ngày 14/7/1998. Ba con chung hiện nay đều đã thành niên, khỏe mạnh và có cuộc sống riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Ông Tĩnh không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà Xuân không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Ông Tĩnh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị X.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị X có ba con chung tên là Nguyễn Thị Thu sinh ngày 23/10/1988, Nguyễn Thị Hà sinh ngày 06/8/1990 và Nguyễn Thành Lộc sinh ngày 14/7/1998. Ba con hiện đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà Nguyễn Thị X không trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008237 ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T và bị đơn là bà Nguyễn Thị X vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Nam Ninh

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã P, H.Thủy Nguyên,
  (Giấy CNKH số 26 đk lại ngày 28/4/2009);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.